

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 01 năm 2020

DANH SÁCH ĐIỂM THI

PHẦN I.2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 13, TẠI ĐẢNG BỘ TPTN

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Đào Thị Kim Anh	1	30	8.0	Tám	
2	Lê Thị Chanh	2	29	8.0	Tám	
3	Nguyễn Thành Chung	3	28	7.0	Bảy	
4	Nguyễn Thị Thùy Dung	4	27	8.0	Tám	
5	Vũ Thị Thùy Dương	5	26	8.0	Tám	
6	Nguyễn Thị Duyên	6	25	8.0	Tám	
7	Vũ Đình Đề	7	09	7.0	Bảy	
8	Hoàng Văn Điệp	8	36	7.5	Bảy rưỡi	
9	Đỗ Minh Đức	9	35	7.5	Bảy rưỡi	
10	Nguyễn Minh Đức	10	34	7.5	Bảy rưỡi	
11	Lê Thị Giang	11	06	7.0	Bảy	
12	Trần Thị Hương Giang	12	02	8.0	Tám	
13	Nguyễn Thị Hải Hà	13	14	7.5	Bảy rưỡi	
14	Lương Thị Thu Hà	14	-	-	-	Vắng thi
15	Hà Văn Hải	15	33	7.5	Bảy rưỡi	
16	Ngô Thị Hạnh	16	11	7.5	Bảy rưỡi	
17	Hà Thị Hằng	17	08	8.0	Tám	
18	Phạm Thị Thu Hằng	18	32	8.0	Tám	
19	Vũ Thị Thu Hằng	19	01	8.0	Tám	
20	Trần Thị Hào	20	03	8.0	Tám	
21	Lê Thị Thúy Hiền	21	31	8.0	Tám	
22	Nguyễn Thanh Hiền	22	13	8.0	Tám	



12

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
23	Nguyễn Thị Hoàng Hoa	23	42	8.0	Tám	
24	Nguyễn Minh Huệ	24	41	7.0	Bảy	
25	Nguyễn Anh Hùng	25	04	7.5	Bảy rưỡi	
26	Hoàng Thị Hưng	26	18	7.5	Bảy rưỡi	
27	Trịnh Thị Thu Hương	27	40	7.0	Bảy	
28	Trần Thị Hương	28	39	8.0	Tám	
29	Phùng Thị Huyền	29	38	7.5	Bảy rưỡi	
30	Nguyễn Thị Thanh Huyền	30	05	8.0	Tám	
31	Nguyễn Thanh Huyền	31	37	7.5	Bảy rưỡi	
32	Hà Quang Khánh	32	48	7.0	Bảy	
33	Vũ Chí Kiên	33	47	7.5	Bảy rưỡi	
34	Đoàn Thị Nhật Linh	34	46	7.5	Bảy rưỡi	
35	Trần Thị Diệu Linh	35	10	7.0	Bảy	
36	Trần Thị Tuyết Loan	36	45	7.0	Bảy	
37	Phùng Thị Thanh Loan	37	44	8.0	Tám	
38	Đỗ Thị Hồng Nga	38	43	7.0	Bảy	
39	Nguyễn Thị Thúy Nga	39	54	7.5	Bảy rưỡi	
40	Nguyễn Thị Bích Ngọc	40	53	7.0	Bảy	
41	Phạm Chí Nguyên	41	24	8.0	Tám	
42	Đinh Thị Nhài	42	52	7.5	Bảy rưỡi	
43	Cà Nguyễn Linh Phương	43	23	8.0	Tám	
44	Vũ Thị Thanh Phương	44	51	7.0	Bảy	
45	Vũ Thị Minh Quý	45	50	7.5	Bảy rưỡi	
46	Lương Ngọc Quỳnh	46	15	7.0	Bảy	
47	Nguyễn Huyền Sâm	47	49	7.5	Bảy rưỡi	
48	Nguyễn Hồng Thái	48	22	7.0	Bảy	
49	Nông Thị Hồng Thắm	49	60	8.0	Tám	
50	Trịnh Đức Thắng	50	59	8.0	Tám	
51	Nguyễn Thị Hoài Thanh	51	58	8.0	Tám	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
52	Vũ Quyết Thanh	52	57	7.0	Bảy	
53	Nguyễn Thị Thảo	53	20	7.0	Bảy	
54	Trịnh Đức Thảo	54	56	8.0	Tám	
55	Ngô Thị Phương Thảo	55	55	7.5	Bảy rưỡi	
56	Vũ Thị Thơm	56	66	7.0	Bảy	
57	Ngô Thị Thu Thuận	57	12	7.0	Bảy	
58	Nguyễn Trung Thường	58	65	7.5	Bảy rưỡi	
59	Nguyễn Hồng Thúy	59	64	7.0	Bảy	
60	Lương Thị Thanh Thúy	60	63	7.5	Bảy rưỡi	
61	Dương Thị Thu Thủy	61	62	7.5	Bảy rưỡi	
62	Lê Thị Thủy	62	61	7.5	Bảy rưỡi	
63	Bùi Thị Thủy	63	72	7.5	Bảy rưỡi	
64	Trần Mạnh Thủy	64	71	7.0	Bảy	
65	Nguyễn Văn Trọng	65	21	7.5	Bảy rưỡi	
66	Nguyễn Xuân Trường	66	19	7.5	Bảy rưỡi	
67	Hoàng Anh Tuấn	67	70	7.0	Bảy	
68	Phạm Quang Tùng	68	16	7.0	Bảy	
69	Nguyễn Thị Tuyết	69	17	8.0	Tám	
70	Nguyễn Tiên Việt	70	68	7.5	Bảy rưỡi	
71	Nguyễn Hương Xoan	71	69	8.0	Tám	
72	Trần Thị Hải Yến	72	67	7.5	Bảy rưỡi	
73	Triệu Kim Huệ	73	07	7.5	Bảy rưỡi	Phần I.2, K41TT
74	Trương Thế Hưng	74	73	7.0	Bảy	Phần I.2, K41TT

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Phúc Ái

**KHOA LLCS
TRƯỞNG KHOA**



Vũ Mạnh Hà

**KT, HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**




Phạm Minh Chuyên